

KỶ NIỆM 5 NĂM NGÀY MẤT CỦA NHÀ DÂN TỘC HỌC NGUYỄN ĐỨC TỪ CHI VÀ NHÂN DỊP ÔNG ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TRUY TẶNG GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH

L.T.S : Phó Giáo sư Nguyễn Đức Từ Chi (tên thường gọi : Nguyễn Từ Chi, Từ Chi, Trần Từ) sinh ngày 17 - 12 - 1925; nguyên quán : xã Hậu Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Xuất thân trong một gia đình yêu nước, tháng 8 - 1945, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1950, ông là Chính trị viên Đại đội trinh sát E 80. Năm 1953, ông giải ngũ, về làm việc tại Thông tấn xã Việt Nam và từ năm 1957 - 1960, được cử đi học tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Sau đó, ông đã làm việc ở nhiều cơ quan, với những cương vị công tác như : chuyên gia, cán bộ nghiên cứu, biên tập viên... Ông được phong Phó Giáo sư năm 1984 và nghỉ hưu từ năm 1988. Nguyễn Đức Từ Chi là một nhà Văn hoá học và Dân tộc học xuất sắc của Việt Nam. Sau thời gian lâm bệnh, ông từ trần vào ngày 15 - 10 - 1995.

Kỷ niệm 5 năm ngày mất của ông và nhân dịp ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Tạp chí Dân tộc học trân trọng giới thiệu với bạn đọc bài viết của TS. Vương Xuân Tình.

NGUYỄN TỪ CHI VÀ DÂN TỘC HỌC VIỆT NAM

WƯƠNG XUÂN TÌNH

Đã có khá nhiều bài viết về ông : của bạn bè, đồng nghiệp, báo giới, môn sinh..., nhất là sau khi ông từ giã chúng ta. Dầu ở cương vị và tuổi tác khác nhau, ở góc quan hệ với ông khác nhau, nhưng sự nhìn nhận của họ về ông thì rất thống nhất : ông xa lánh mọi bon chen để sống hết mình cho khoa học, và sự thực, ông là một nhà Dân tộc học xuất sắc. Như vậy, cả *đức* và *tài* của ông đều đã khẳng định, lại càng khẳng định hơn khi Nhà nước truy tặng ông Giải thưởng Hồ Chí Minh. Vậy tôi viết thêm được gì về ông trong bài báo nhỏ này để không nhắc lại lời người khác ?

1. Tôi dám chắc rằng, nếu có âm dương giao cảm, hẳn ông vẫn không biết tôi là ai. Lúc ông là nhà dân tộc học nổi danh, tôi mới chập chững bước vào nghề. Tôi lại không có cơ duyên được học ông, gần gũi ông, mà chỉ qua vài lần gặp gỡ. Đó là vào khoảng từ nửa sau những năm 80, khi tôi về công tác ở Tạp chí Dân tộc học, có gặp ông mấy lần tại đây. Lúc ấy ông đã nghỉ hưu, và qua Toà soạn hình như chỉ tìm gặp PGS. Nguyễn Dương Bình và nhà Dân tộc học Chu Thái Sơn vì việc riêng nào đó, rồi vui chuyện thì ngồi lại. Những khi như thế, là em út của Toà soạn, tôi chỉ làm nhiệm vụ pha trà rót nước và... nghe ông nói. Ông nói, gần như độc thoại; không phải tranh lời người khác mà dường như để giải phóng trí năng đang tích tụ.

Giá mà " khôn " ra, vào dịp may hiếm có như vậy, tôi cứ bạo dạn nói với ông một ý tưởng nghiên cứu, hay hỏi ông một vấn đề nào đó rồi " bám " theo ông, xin làm " đệ tử " của ông, chắc rằng ông chẳng nỡ chối từ. Ngoài tài năng của ông, tôi vẫn biết ông không màng danh lợi, sống rất dân dã và đặc biệt là bao dung lớp trẻ. Song bản tính tôi vốn nhút nhát, ngại tiếp xúc với người sang. Ông thì chẳng sang về chức quyền, tiền bạc, nhưng lại sang về danh tiếng khoa học - tôi vẫn bị cái mặc cảm lấm lấm như thế ! Và tôi không được gần ông còn bởi lý do phức tạp khác : tôi rất sợ bị choáng ngợp và ảnh hưởng từ ông. Khi ấy, tuổi nghề của tôi tuy trẻ nhưng tuổi đời

lại chưa hẳn vậy, vì tôi là người lính trở về cầm bút. Kinh nghiệm sống mách bảo tôi rằng: dưới gốc cây đại thụ thì mát, song có nguy cơ bị mất bóng...

2. Không được gần gũi ông, tôi chỉ còn biết âm thầm đọc ông. Thực ra, ban đầu đọc các tác phẩm ông viết, tôi bị cuốn hút bởi vẻ đẹp của công trình khoa học hơn là nội dung khoa học. Điều đó cũng dễ hiểu, vì ở buổi đầu chấp chững vào nghề, khó có đủ tri thức để đánh giá một tác phẩm khoa học, nhất là của một người tầm cỡ như ông. Tôi không khỏi ngạc nhiên trước vẻ đẹp ấy, bởi tôi đọc những công trình về khoa học xã hội và nhân văn, nhưng hiếm có tác giả nào có cách viết như ông từng viết. Sau này tôi tự hỏi, vẻ đẹp - hay nói cho "lý luận" hơn là tính thẩm mỹ - trong tác phẩm khoa học của ông bởi đâu mà có ? Phải chăng là cách thức diễn giải của ông, một cách diễn giải kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư duy lô gic và tư duy hình tượng.

Có thể nói, tính thẩm mỹ bao trùm toàn bộ các tác phẩm của Nguyễn Từ Chi, từ bài báo ngắn đến một quyển sách, đặc biệt phát tiết là trong *Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường và Hoa văn Mường*. Ở mỗi tác phẩm, có cảm tưởng như từng con chữ, từng dấu chấm, dấu phẩy..., tất cả đều được đặt vào vị trí xứng đáng dưới bàn tay tài hoa của ông. Những từ ngữ đời thường, một khi được ông lấy ra, sắp xếp vào một cấu trúc nào đó, bỗng nhiên trở nên tinh tươm, lấp lánh. Ở ông, không có sự lặp lại và nhàm chán : ngay cả khi phải nói những chuyện cũ kỹ, ông vẫn tìm được lối biểu đạt riêng. Ông am tường nghệ thuật, nhất là nghệ thuật tạo hình và còn thấp thoáng dáng dấp văn nhân. Bởi thế, văn phong khoa học của ông thật đẹp, đẹp một cách sang trọng, đậm thắm và đọc ông như bị hút hồn.

Tạo ra vẻ đẹp trong tác phẩm khoa học đã làm nên Phong cách Từ Chi. Phong cách ấy đắm say bao người, nhất là các nhà Dân tộc học trẻ tuổi. Nhiều người học ông, thậm chí bắt chước ông, nhưng khó lắm thay ! Bởi muốn được, chỉ ít phải có tố chất như ông...

3. Sau bao thăng trầm, đến nay, việc ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh chứng tỏ, đồng nghiệp và nhân dân đã đánh giá đúng công lao ông, đánh giá vị trí xứng đáng của ông trong nền Dân tộc học Việt Nam.

Trong điều văn do GS.TS. Lê Trần Tiêu, Thứ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin đọc ở lễ truy điệu ông, có nhận định : ông là một chuyên gia lớn nhất của Việt Nam hiện nay nghiên cứu về người Mường, và tác phẩm *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ* đã và sẽ là sách gối đầu giường của rất nhiều thế hệ nghiên cứu Việt học. Ngoài những hiểu biết về các tộc người trên, ông còn quan tâm đến một số dân tộc như Tày, Thái, Xinh Mun, Ba na, Gia rai... Nhiều phát hiện trong nghiên cứu của ông hết sức độc đáo (1).

Qua 5 năm kể từ ngày ông mất, nay lại là thời điểm sắp ghi dấu chân vào bậc thềm của thiên niên kỷ mới - thời điểm dễ gây cho con người cảm giác hoài niệm, thậm chí muốn định giá lại quá khứ trước khi bước tới tương lai, liệu chúng ta có thêm nhận thức mới gì về ông ?

Cùng với lớp đàn anh khác, ông trở thành nhà Dân tộc học trong hoàn cảnh sục sôi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành khoa học Lịch sử lúc này, trong đó có Dân tộc học là phải khẳng định tinh thần tự tôn dân tộc. Có thể nói, ông và thế hệ khoa học của ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ấy. Nghiên cứu hoa văn Mường, công lao lớn nhất của Nguyễn Từ Chi là trên cơ sở kế thừa một số thành tựu, đã chứng minh đây thuyết phục : hoa văn của trống đồng Đông Sơn được hoá thạch vào hoa văn của tộc người Mường. Như vậy, ông đã góp phần to lớn vào việc khẳng định chủ nhân của trống đồng

Đông Sơn - một vấn đề vốn phức tạp và gây nhiều tranh cãi. Điều quan trọng khác, và hơn người khác, là khi nghiên cứu hoa văn Mường cũng như nhiều vấn đề của tộc Mường, ông đã *nổi được mạch* của văn hoá tộc người với văn hoá Việt Nam.

4. Nghĩ về ông, không thể không nhắc tới *ứng xử* của ông với Dân tộc học cũng như văn hoá phương Tây (bao gồm cả châu Âu). Có lẽ, trong lịch sử dân tộc, chưa bao giờ Việt Nam phải / được đối diện với nhiều nền văn hoá khác nhau như trong thế kỷ 20. Giống xu thế chung của khu vực, văn hoá phương Tây đã và đang có nhiều giao lưu, ảnh hưởng tới văn hoá Việt Nam.

Cuộc đối diện lịch sử ấy, nhất là ở thời khắc chuyển giao, bắt buộc mỗi người, đặc biệt là *kẻ sĩ*, phải chọn lựa một thái độ, một cung cách ứng xử. Thông thường, có hai kiểu dạng chúng ta dễ gặp :

Một là, có những người dẽ dàng ngã mình trước nền văn hoá đó. Họ vỗ vập và tụng ca. Họ tự đắc và viên mãn khi theo được *Tây* và như... *Tây*. Họ ngoảnh lại dẽ bủ nền văn hoá xứ sở... Sự ketch cớm, rờm đời ấy, ngay từ những năm của nửa đầu thế kỷ này đã được nhà văn Vũ Trọng Phụng phản ánh trong kiệt tác *Số đỏ*, với các nhân vật nổi tiếng như Xuân tóc đỏ, Văn Minh, Ty-pờ-nờ...

Hai là, có những người dị ứng với nền văn hoá đó. Sự dị ứng vừa biểu lộ tính không phù hợp với của lạ, vừa là phản ứng bất đắc chí với kẻ " theo *Tây* và như... *Tây* ". Tú Xương là một điển hình cho mẫu người này.

Với Nguyễn Từ Chi, ông coi " Tây " như *bè bạn*. Lân giở những trang viết của ông sẽ thấy: chưa khi nào, và chắc chắn không bao giờ, ông trích dẫn các học giả nước ngoài để mà... trích dẫn - một cung cách dường như cốt khoe kiến thức, *trộ* thiên hạ, thậm chí để làm cái ô che chắn. Khi cần viện dẫn họ, chỉ thấy ông chuyện trò, ông bàn cãi hay cười nụ với họ. Đọc một số công trình viết về người Mường của ông, có một chi tiết làm tôi thú vị: ông gọi J. Cuisinier - nhà Dân tộc học lỗi lạc người Pháp là *có*. Ai đó bảo rằng, ông gọi thế là bởi cho đến tận khi mất, J. Cuisinier vẫn chưa một lần kết hôn. Tôi không hẳn tin như vậy, dù đấy là lời giải thích của ông. Ở chiều sâu của chi tiết này, tôi nghĩ, có thể là kiểu *cười nụ* của ông thì đúng hơn...

Ứng xử như thế, không còn là *bản tính*, mà đã thuộc về *bản ngã*. Phải có một tri thức thâm hậu và cốt cách *kẻ sĩ*, cùng với trải nghiệm mới đạt tới sự tự tại như ông. Đó cũng là lý do khiến ông như một *gạch nối* giữa Dân tộc học Việt Nam với Dân tộc học Pháp, và phần nào cả Nhân học phương Tây. Những vấn đề lý thuyết và phương pháp của các nền Nhân học ngoài Việt Nam nếu qua ông, như qua lò luyện đan, để trở thành công cụ hữu ích phục vụ ông và người khác, chứ không thành đám xương xẩu như một số chế biến ta thường gặp.

5. Có những cái chết không phải là dấu chấm hết, thậm chí làm cho tâm vóc của người ra đi lớn hơn cả khi họ đang sống. Nguyễn Từ Chi là một trường hợp như thế, mặc dù sinh thời, ông đã nổi danh.

Khó mà quên được hình ảnh cuối cùng về ông - người chiến binh già, người vất kiệt mình cho từng con chữ để chiết lọc thành tư tưởng khoa học độc đáo - nằm thanh thản, với gương mặt trong suốt. Đám tang của một người không tí chức quyền, chỉ có chức danh Phó Giáo sư - cái chức danh mà nói như GS. Trần Quốc Vương, với ông là *Danh bất xứng kỳ TÀI, kỳ ĐỨC* (2), lại (xem tiếp trang 71)